

Số: 162/BC-SNNPTNT

Kiên Giang, ngày 28 tháng 4 năm 2021

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện vốn đầu tư công đến 28/4/2021 và các dự án có khối lượng, giải ngân dưới 30% do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý

Thực hiện Công văn 2635/VP-KT ngày 23 tháng 4 năm 2021 của Văn phòng UBND tỉnh về việc rà soát, báo cáo về các công trình đến nay có giá trị giải ngân, khối lượng hoàn thành dưới 30%. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xin báo cáo như sau:

1. Tình hình thực hiện và giải ngân các nguồn vốn:

Vốn đầu tư công được giao đến thời điểm báo cáo là 549.730 triệu đồng. Khối lượng thực hiện lũy kế từ đầu năm đến 28/4/2021 được 188.074 triệu đồng đạt 34,2% kế hoạch năm và giá trị giải ngân lũy kế được 127.508 triệu đồng đạt 23,2% kế hoạch.

Trong đó:

+ Vốn ngân sách trung ương: Giá trị khối lượng thực hiện được 135.961/383.000 triệu đồng, đạt 55,5% kế hoạch; Giá trị giải ngân được 103.348/383.000 triệu đồng, đạt 27,0% kế hoạch

+ Vốn cân đối ngân sách địa phương: Giá trị khối lượng thực hiện được 52.113/166.730 triệu đồng, đạt 31,3% kế hoạch; Giá trị giải ngân được 24.160/166.730 triệu đồng, đạt 14,5% kế hoạch.

- Ước khối lượng thực hiện đến 30/5/2021 là 262.000 triệu đồng đạt 47,7% kế hoạch năm và giá trị giải ngân được 231.500 triệu đồng đạt 42,1% kế hoạch.

- Ước khối lượng thực hiện đến 31/12/2021 là 549.730/549.730 triệu đồng đạt 100% kế hoạch năm và giá trị giải ngân được 549.730/549.730 triệu đồng đạt 100% kế hoạch.

(Kèm theo phụ biểu báo cáo chi tiết tiến độ từng dự án)

- Về các nguồn vốn chuyển nguồn từ năm 2020 sang năm 2021 tiếp tục thực hiện, thì Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn mới nhận được Quyết định trong tháng 4/2021 nên tháng sau sẽ cập nhật tình hình thực hiện và giải ngân phân vốn chuyển nguồn).

2. Các dự án có khối lượng thực hiện và giải ngân dưới 30% kế hoạch vốn.

- Dự án Hồ chứa nước Bãi Cây Mến, huyện Kiên Hải: Kế hoạch vốn 20.000 triệu đồng, khối lượng thực hiện 12.000 triệu đồng đạt 60,0%, giải ngân chưa có. Lý do: Dự án đang triển khai thi công phần thân đập bê tông và đã có khối lượng nhưng chưa giải ngân được vì đang trình gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng. Sau khi có chủ trương cho gia hạn sẽ giải ngân theo kế hoạch.

- Dự án Kè chống sạt lở khu vực Mũi Rãnh huyện An Biên: Kế hoạch vốn 20.000 triệu đồng và dự án Kè chống sạt lở khu vực Mũi Rãnh huyện An Biên: Kế hoạch vốn 12.500 triệu đồng: 02 dự án này đang triển khai thi công và đang trình điều chỉnh dự án tăng chiều dài kè để sử dụng cho hết nguồn vốn. Dự kiến trong quý III sẽ nghiệm thu và bàn giao công trình.

- Dự án Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá kết hợp nâng cấp, mở rộng cảng cá đảo Thổ Châu: Kế hoạch vốn 23.000 triệu đồng, khối lượng thực hiện 7.200 triệu đồng đạt 31,3%, giải ngân chưa có. Lý do: Dự án đang triển khai thi công các hạng mục trên bờ như: nhà quản lý, đường, hàng rào.... và đã có khối lượng nhưng chưa giải ngân được vì đang trình gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng. Sau khi có chủ trương cho gia hạn sẽ giải ngân theo kế hoạch.

- Tiểu dự án số 9: Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phòng chống xói lở bờ biển và hỗ trợ nuôi trồng thủy sản ở huyện An Minh, An Biên, tỉnh Kiên Giang thuộc dự án Chống chịu khí hậu tổng hợp và sinh kế bền vững Đồng bằng sông Cửu Long (MD-ICRSL) - 09 công: Kế hoạch vốn 135.000 triệu đồng, khối lượng thực hiện 45.000 triệu đồng đạt 33,3%, giải ngân 31.587 triệu đồng đạt 23,4%.(vốn địa phương cũng vậy vì giải ngân theo cơ chế 70/30). Dự án đang triển khai thi công 09 công, dự kiến trong quý III/2021 sẽ hoàn thành. Đã bàn giao mặt bằng 10km kè trong tháng 3/2021 cho đơn vị trúng thầu để triển khai thi công và đang triển khai các gói thầu sinh kế. Cam kết sẽ thực hiện và giải ngân theo Chỉ thị của UBND tỉnh.

- Dự án chuyển đổi nông nghiệp bền vững tỉnh Kiên Giang (VnSAT): Kế hoạch vốn 70.000 triệu đồng, khối lượng thực hiện và giải ngân chưa có. Dự án này triển khai rất chậm mới được Ban quản lý dự án VnSAT Trung ương góp ý cho danh mục đầu tư 11/11 tiểu dự án đầu tư công, và WB, UBND tỉnh phê duyệt danh mục đầu tư công cho 8 tiểu dự án. Hiện PPMU đang phối hợp với các đơn vị tư vấn thẩm tra hồ sơ thiết kế, còn 03 tiểu dự án còn lại đang trình tỉnh phê duyệt danh mục.

- Dự án nâng cấp mở rộng Trạm cấp nước xã Nam Thái và mở rộng tuyến ống HTCN liên xã huyện An Biên: Kế hoạch vốn 30.900 triệu đồng, khối lượng thực hiện 9.511 triệu đồng đạt 30,8%, giải ngân chưa có. Lý do: Dự án đang triển khai thi công nhà máy, đường ống cấp nước và các hạng mục khác như: đắp bờ bao, phát quang mặt bằng.... Chậm do vướng mặt bằng thi công, đến thời này đã giải quyết xong và sẽ đẩy nhanh tiến độ và đã có khối lượng hoàn thành, đang thanh toán cho nhà thầu.

- Công trình Trạm cấp nước U Minh Thượng, huyện UMT, tỉnh Kiên Giang: Kế hoạch vốn 20.000 triệu đồng, khối lượng thực hiện 8.320 triệu đồng đạt 41,6%, giải ngân 2.047 triệu đồng đạt 10,2%. Dự án đang triển khai thi công

cụm bể chứa, hồ chứa nước thô, nhà quản lý, trạm bơm cấp 2, bể chứa, đường ống mạng phân phối và đang thanh toán khối lượng hoàn thành cho nhà thầu.

- Công trình Trạm cấp nước liên xã Vĩnh Phong-Vĩnh Thuận, huyện Vĩnh Thuận: Kế hoạch vốn 25.000 triệu đồng, khối lượng thực hiện 11.511 triệu đồng đạt 46,0%, giải ngân chưa có. Lý do công trình này đang triển khai thi công cụm bể chứa, hồ chứa nước thô, nhà quản lý, trạm bơm cấp 2, bể chứa, đường ống mạng phân phối và đã có khối lượng hoàn thành, đang thanh toán cho nhà thầu.

- Công trình Hệ thống đường ống nước xã Tân Khánh Hòa: Kế hoạch vốn 1.500 triệu đồng (mới bố trí vốn trong tháng 4/2021), công trình đã hoàn thành đưa vào sử dụng và đang quyết toán hoàn thành.

- Dự án chương trình nước sạch nông thôn và hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2021-2025 (chuẩn bị đầu tư): Kế hoạch vốn 5.000 triệu đồng (mới bố trí vốn trong tháng 4/2021), đang chuẩn bị các thủ tục đầu tư ban đầu.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công đến 28/4/2021 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn./. 

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Sở Tài chính;
- Sở Thông tin và Truyền thông;
- Lưu: VT, KH-TC.

GIÁM ĐỐC




Nguyễn Văn Dũng



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021

(Kèm theo Báo cáo số: 162/BC-SNNPTNT ngày 28 tháng 4 năm 2021 của Sở Nông nghiệp & PTNT Kiên Giang

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT		KẾ HOẠCH 2021	ƯỚC KHỐI LƯỢNG THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN ĐẾN 28/4/2021				ƯỚC TH VÀ GIẢI NGÂN ĐẾN 30/5/2021				ƯỚC TH VÀ GIẢI NGÂN ĐẾN 31/12/2021				Ghi chú
			GIÁ TRỊ KLTH NGHIỆM THU	TỶ LỆ % KLTH SO VỚI KH	CÁP PHÁT	TỶ LỆ % KLTH SO VỚI CP	GIÁ TRỊ KLTH NGHIỆM THU	TỶ LỆ % KL THỰC HIỆN	CÁP PHÁT	TỶ LỆ % CÁP PHÁT	GIÁ TRỊ KLTH NGHIỆM THU	TỶ LỆ % KL THỰC HIỆN	CÁP PHÁT	TỶ LỆ % CÁP PHÁT	
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	NGUỒN VỐN ĐƯỢC GIAO	549.730	188.074	34,2	127.508	23,2	262.000	47,7	231.500	42,1	549.730	100,0	549.730	100,0	
1	Nguồn vốn ngân sách Trung ương	383.000	135.961	35,5	103.348	27,0	186.000	48,6	171.000	44,6	383.000	100,0	383.000	100,0	
2	Nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương	166.730	52.113	31,3	24.160	14,5	76.000	45,6	60.500	36,3	166.730	100,0	166.730	100,0	



BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021

(Kèm theo Báo cáo số: 16/BC-SNNPTNT ngày 28 tháng 4 năm 2021 của Sở Nông nghiệp & PTNT Kiên Giang)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	QH đầu tư được cấp có thẩm quyền giao KH các năm			Lấy kế từ khối công đến 31/12/2020		Kế hoạch năm 2021	THTH từ đầu năm đến 28/4/2021		Tỷ lệ (%) thực hiện từ đầu năm đến 28/4/2021		Ước thực hiện từ đầu năm đến 30/5/2021		Ước tỷ lệ (%) thực hiện so với kế hoạch 30/5/2021		Ước thực hiện từ đầu năm đến 31/12/2021		Ước tỷ lệ (%) thực hiện so với kế hoạch 31/12/2021		TIẾN ĐỘ CHI TIẾT DỰ ÁN/CÔNG TRÌNH
				Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMBT		Khối lượng thực hiện	Giá trị cấp phát		Khối lượng thực hiện	Giá trị cấp phát	Khối lượng thực hiện	Giá trị cấp phát	Khối lượng thực hiện	Giá trị cấp phát	Khối lượng thực hiện	Giá trị cấp phát	Khối lượng thực hiện	Giá trị cấp phát	Khối lượng thực hiện	Giá trị cấp phát	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW - ĐP																
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
	TỔNG SỐ								549.730	188.074	127.508	34,2	23,2	262.000	231.500	47,7	42,1	549.730	549.730	100,0	100,0	
	VỐN TRUNG ƯƠNG								383.000	135.961	103.348	35,5	27,0	186.000	171.000	48,6	44,6	383.000	383.000	100,0	100,0	
AA	NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC)								178.000	90.961	71.761	51,1	40,3	121.000	116.000	68,0	65,2	178.000	178.000	100,0	100,0	
A	DANH MỤC KẾ HOẠCH 2016-2020 CHUYỂN TIẾP THỰC HIỆN TRONG GIAI ĐOẠN 2021-2025								178.000	90.961	71.761	51,1	40,3	121.000	116.000	68,0	65,2	178.000	178.000	100,0	100,0	
I	NGÀNH/LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ								178.000	90.961	71.761	51,1	40,3	121.000	116.000	68,0	65,2	178.000	178.000	100,0	100,0	
	Thực hiện dự án								178.000	90.961	71.761	51,1	40,3	121.000	116.000	68,0	65,2	178.000	178.000	100,0	100,0	
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2021								75.000	22.357	10.357	29,8	13,8	47.500	42.500	63,3	56,7	75.000	75.000	100,0	100,0	
1	Hồ chứa nước Bãi Cây Mến, huyện Kiên Hải	KH	2017-2022	2281; 30/10/2017; 233; 29/01/2021	120.000	108.000	58.000	58.000	20.000	12.000		60,0	0,0	15.000	10.000	75,0	50,0	20.000	20.000	100,0	100,0	Đang triển khai thi công phần thân đập bê tông (đã có khối lượng nhưng chưa giải ngân được vì đang trình gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng)
2	Kè chống sạt lở khu vực Mũi Rãnh huyện An Biên	AB	2018-2021	2430; 31/10/2018;	75.000		62.500	62.500	12.500			0,0	0,0	7.500	7.500	60,0	60,0	12.500	12.500	100,0	100,0	Đang triển khai thi công và trình điều chỉnh dự án tăng chiều dài kè
3	Kè chống sạt lở khu vực Mũi Rãnh huyện An Biên	HD	2019-2021	759; 26/3/2020	100.000		80.000	80.000	20.000			0,0	0,0	10.000	10.000	50,0	50,0	20.000	20.000	100,0	100,0	Đang triển khai thi công và trình điều chỉnh dự án tăng chiều dài kè
4	Kè chống sạt lở khu vực Xẻo Nhau huyện An Minh	AM	2020-2024	1372; 15/6/2020	85.000		62.500	62.500	22.500	10.357	10.357	46,0	46,0	15.000	15.000	66,7	66,7	22.500	22.500	100,0	100,0	Đang triển khai thi công và trình điều chỉnh dự án tăng chiều dài kè
(2)	Các dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2021								103.000	68.604	61.404	66,6	59,6	73.500	73.500	71,4	71,4	103.000	103.000	100,0	100,0	
1	Dự án đầu tư xây dựng 18 công trên tuyến đê biển, ven biển tỉnh Kiên Giang (hạng mục: công T3-Hòa Điền)	KG	2019-2023	2516 UBND; 31/10/2019	1.484.000	1.484.000	74.400	74.400	80.000	61.404	61.404	76,8	76,8	70.000	70.000	87,5	87,5	80.000	80.000	100,0	100,0	Đã bàn giao mặt bằng cho đơn vị thi công trong tháng 3/2021. Đang triển khai đóng cọc thử (công âu thuyền T3 Hòa Điền và công âu thuyền Vàm Bả Lich)
2	Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá kết hợp nâng cấp, mở rộng cảng cá đảo Thổ Châu	PQ	2016-2020	2590; 30/10/2015	154.189	154.189	27.434	27.434	23.000	7.200		31,3	0,0	3.500	3.500	15,2	15,2	23.000	23.000	100,0	100,0	Đang triển khai thi công các hạng mục trên bờ như: nhà quản lý, đường, hàng rào... (đã có khối lượng nhưng chưa giải ngân được vì đang trình gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng)
BB	NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN NƯỚC NGOÀI)								205.000	45.000	31.587	22,0	15,4	65.000	55.000	31,7	26,8	205.000	205.000	100,0	100,0	
B	NGÀNH/LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG MÔI TRƯỜNG								205.000	45.000	31.587	22,0	15,4	65.000	55.000	31,7	26,8	205.000	205.000	100,0	100,0	
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2021								205.000	45.000	31.587	22,0	15,4	65.000	55.000	31,7	26,8	205.000	205.000	100,0	100,0	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	QĐ đầu tư được cấp có thẩm quyền giao KH các năm		Lũy kế từ khởi công đến 31/12/2020		Kế hoạch năm 2021	THHT từ đầu năm đến 28/4/2021		Tỷ lệ (%) thực hiện từ đầu năm đến 28/4/2021		Ước thực hiện từ đầu năm đến 30/5/2021		Ước tỷ lệ (%) thực hiện so với kế hoạch 30/5/2021		Ước thực hiện từ đầu năm đến 31/12/2021		Ước tỷ lệ (%) thực hiện so với kế hoạch 31/12/2021		TIẾN ĐỘ CHI TIẾT DỰ ÁN/CÔNG TRÌNH	
				Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMDT		Khối lượng thực hiện		Giá trị cấp phát	Khối lượng thực hiện	Giá trị cấp phát	Khối lượng thực hiện	Giá trị cấp phát	Khối lượng thực hiện	Giá trị cấp phát	Khối lượng thực hiện	Giá trị cấp phát	Khối lượng thực hiện	Giá trị cấp phát			
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW - ĐP																
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
1	Tiểu dự án số 9: Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phòng chống xói lở bờ biển và hỗ trợ nuôi trồng thủy sản ở huyện An Minh, An Biên, tỉnh Kiên Giang thuộc dự án Chống chịu khí hậu tổng hợp và sinh kế bền vững Đồng bằng sông Cửu Long (MD-ICRSL) - 09 công	AB-AM	2017-2022	1044/QĐ-UBND 06/5/16	736.800	432.960	158.958	158.958	135.000	45.000	31.587	33,3	23,4	65.000	55.000	48,1	40,7	135.000	135.000	100,0	100,0	Đang triển khai thi công 09 công, dự kiến trong quý III/2021 sẽ hoàn thành. Đã bàn giao mặt bằng 10km cho đơn vị trúng thầu để triển khai thi công và đang triển khai các gói thầu sinh kế.
2	Dự án chuyển đổi nông nghiệp bền vững tỉnh Kiên Giang (VnSAT)	TT	2018-2022	2731; 10/11/2015; 1100; 15/5/2019	313.499	111.220	47.193	47.193	70.000			0,0	0,0			-	-	70.000	70.000	100,0	100,0	Ban quản lý dự án VnSAT Trung ương góp ý cho danh mục đầu tư 11/11 tiểu dự án đầu tư công, và WB, UBND tỉnh phê duyệt danh mục đầu tư công cho 8 tiểu dự án. Hiện PPMU đang phối hợp với các đơn vị tư vấn thẩm tra hồ sơ thiết kế 03 tiểu dự án còn lại đang trình tỉnh phê duyệt danh mục.
NGUỒN VỐN ĐỊA PHƯƠNG									166.730	52.113	24.160	31,3	14,5	76.000	60.500	45,6	36,3	166.730	166.730	100,0	100,0	
VỐN BỔ TRÍ ĐẦU TƯ THEO NGANH, LĨNH VỰC VÀ HỖ TRỢ ĐẦU TƯ CÁC DỰ ÁN TRỌNG ĐIỂM									166.730	52.113	24.160	31,3	14,5	76.000	60.500	45,6	36,3	166.730	166.730	100,0	100,0	
I Ngành, lĩnh vực Nông nghiệp									127.400	38.575	10.622	30,3	8,3	59.500	44.000	46,7	34,5	127.400	127.400	100,0	100,0	
(1) Các dự án dự chuyển tiếp sang kế hoạch giai đoạn 2021-2025									122.400	38.575	10.622	31,5	8,7	59.500	44.000	48,6	35,9	122.400	122.400	100,0	100,0	
1	Dự án cấp nước tập trung trên địa bàn nông thôn tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2016-2020	TT	2018-2023	2409; 30/10/2018	96.346	96.346	60.881	60.881	15.000	5.499	5.499	36,7	36,7	10.000	9.500	66,7	63,3	15.000	15.000	100,0	100,0	Đang nghiệm thu sơ bộ từng hạng mục công trình (nâng cấp mở rộng các trạm cấp nước)
2	Dự án nâng cấp mở rộng Trạm cấp nước xã Nam Thái và mở rộng tuyến ống HTCN liên xã huyện An Biên	AB	2019-2020	2526; 31/10/2019	59.984	55.984	25.000	25.000	30.900	9.511		30,8	0,0	15.900	10.000	48,5	32,4	30.900	30.900	100,0	100,0	Đang triển khai thi công nhà máy, đường ống cấp nước và các hạng mục khác như: đập bờ bao, phát quang mặt bằng.... Chậm do vướng mặt bằng thi công, đến thời này đã giải quyết xong và sẽ đẩy nhanh tiến độ.
3	Trạm cấp nước U Minh Thượng, huyện UMT, tỉnh Kiên Giang	UMT	2019-2021	2527; 31/10/2019	30.000	30.000	8.500	8.500	20.000	8.320	2.047	41,6	10,2	10.000	7.500	50,0	37,5	20.000	20.000	100,0	100,0	Đang triển khai thi công cụm bể chứa, hồ chứa nước thô, nhà quản lý, trạm bơm cấp 2, bể chứa, đường ống mang phân phối.
4	Trạm cấp nước liên xã Vĩnh Phong-Vĩnh Thuận, huyện Vĩnh Thuận	VT	2019-2021	2525; 31/10/2019	37.000	37.000	8.500	8.500	25.000	11.511		46,0	0,0	15.500	8.500	62,0	34,0	25.000	25.000	100,0	100,0	Đang triển khai thi công cụm bể chứa, hồ chứa nước thô, nhà quản lý, trạm bơm cấp 2, bể chứa, đường ống mang phân phối.
	Hệ thống đường ống nước xã Tân Khánh Hòa	GT	2019-2021	732; 01/14/2019	18.000	18.000	16.000	16.000	1.500			0,0	0,0			-	-	1.500	1.500	100,0	100,0	Đã bàn giao đưa vào sử dụng, đang quyết toán hoàn thành công trình (mới bổ sung kế hoạch vốn trong tháng 4)
5	Trụ sở làm việc: Trung tâm nước sạch VSMT nông thôn Kiên Giang	RG	2019-2021	376; 30/10/2019 SKH	14.998	14.998	8.511	8.511	5.000	3.734	3.076	74,7	61,5	5.000	4.500	100,0	90,0	5.000	5.000	100,0	100,0	Đã bàn giao đưa vào sử dụng, đang quyết toán hoàn thành công trình
6	Tiểu dự án số 9: Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phòng chống xói lở bờ biển và hỗ trợ nuôi trồng thủy sản ở huyện An Minh, An Biên, tỉnh Kiên Giang thuộc dự án Chống chịu khí hậu tổng hợp và sinh kế bền vững Đồng bằng sông Cửu Long (MD-ICRSL) - 09 công	AB-AM	2017-2022	1044/QĐ-UBND 06/5/16	736.800	109.373			25.000			0,0	0,0	4.000	4.000	16,0	16,0	25.000	25.000	100,0	100,0	Như trên
(2) Các dự án khởi công mới									5.000	-	-	0,0	0,0	-	-	-	-	5.000	5.000	100,0	100,0	
	Dự án chương trình nước sạch nông thôn và hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2021-2025 (chuẩn bị đầu tư)	TT		24/QĐ-TTN 02/3/2021	5.772	5.772			5.000			0,0	0,0			-	-	5.000	5.000	100,0	100,0	Mới bổ sung kế hoạch vốn trong tháng 4/2021

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	QĐ đầu tư được cấp có thẩm quyền giao KH các năm			Lấy kế từ khởi công đến 31/12/2020		Kế hoạch năm 2021	THHTH từ đầu năm đến 28/4/2021		Tỷ lệ (%) thực hiện từ đầu năm đến 28/4/2021		Ước thực hiện từ đầu năm đến 30/5/2021		Ước tỷ lệ (%) thực hiện so với kế hoạch 30/5/2021		Ước thực hiện từ đầu năm đến 31/12/2021		Ước tỷ lệ (%) thực hiện so với kế hoạch 31/12/2021		TIẾN ĐỘ CHI TIẾT DỰ ÁN/CÔNG TRÌNH
				Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMDT		Khối lượng thực hiện	Giá trị cấp phát		Khối lượng thực hiện	Giá trị cấp phát	Khối lượng thực hiện	Giá trị cấp phát	Khối lượng thực hiện	Giá trị cấp phát	Khối lượng thực hiện	Giá trị cấp phát	Khối lượng thực hiện	Giá trị cấp phát	Khối lượng thực hiện	Giá trị cấp phát	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW - ĐP																
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
II	Chi đầu tư từ nguồn vay lại, trả nợ gốc								39.330	13.538	13.538	34,4	34,4	16.500	16.500	42,0	42,0	39.330	39.330	100,0	100,0	
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2021								39.330	13.538	13.538	34,4	34,4	16.500	16.500	42,0	42,0	39.330	39.330	100,0	100,0	
I	Vốn Chính phủ vay của nước ngoài về cho địa phương vay lại. Trong đó: - Tiểu dự án số 9: Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phòng chống xói lở bờ biển và hỗ trợ nuôi trồng thủy sản ở huyện An Minh, An Biên, tỉnh Kiên Giang thuộc dự án Chống chịu khí hậu tổng hợp và sinh kế bền vững Đồng bằng sông Cửu Long (MD-ICRSL) - 09 công	AB-AM	2017-2022	1044/QĐ-UBND 06/5/16	736.800	109.373			39.330	13.538	13.538	34,4	34,4	16.500	16.500	42,0	42,0	39.330	39.330	100,0	100,0	Như trên